

## NGHIÊN CỨU TÍNH ĐA DẠNG VÀ TRI THỨC BẢN ĐỊA TRONG VIỆC SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC CỦA CỘNG ĐỒNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA-KÊ BÀNG, QUẢNG BÌNH

LÊ THUẬN KIÊN

*Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng*

Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng có diện tích lớn nhất Việt Nam với 123.326 ha, diện tích vùng đệm trên 220.000 ha, dân số vùng đệm trên 60.000 người. Đây là khu vực có 3 dân tộc sinh sống gồm dân tộc Kinh, Bru-Vân kiều và Chứt. Trong mỗi dân tộc được chia thành nhiều nhóm nhỏ gồm các tộc người Vân kiều, Ma coong, Tri, Khùa, Rục, A rem, Sách, Mây và Mã liêng... Mỗi dân tộc có tập quán, niềm tin, tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây cỏ làm thuốc khác nhau. Điều này dẫn đến sự đa dạng về tri thức sử dụng cây thuốc để chữa bệnh. Đó cũng là điều kiện hết sức thuận lợi cho việc tìm hiểu, nghiên cứu thực vật học dân tộc, những tri thức vốn có của người dân địa phương trong việc sử dụng cây cỏ để chữa bệnh để ngày càng làm giàu thêm, góp phần bổ sung vào kho tàng kiến thức chữa bệnh của dân tộc Việt Nam.

Việc bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu dựa vào năng lực sẵn có của cộng đồng địa phương là điều rất cần thiết và phù hợp với xu thế phát triển. Cây thuốc càng có ý nghĩa và vai trò to lớn hơn đối với đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số, các cộng đồng dân cư địa phương ở khu vực nông thôn miền núi. Chúng được sử dụng trực tiếp trong y học cổ truyền để điều trị hầu hết các chứng bệnh từ thông thường cho đến các loại bệnh khác về xương khớp, gan, thận, huyết áp và thần kinh... Tổ chức Y Tế thế giới (WHO) đánh giá là 80% dân số các nước đang phát triển dùng lâm sản ngoài gỗ để chữa bệnh và làm thực phẩm. Như vậy, người dân địa phương được coi như là người sở hữu trực tiếp những tri thức và tài nguyên đó. Sự mất đi hay sống sót của một loài cây thuốc trong tự nhiên đều phụ thuộc vào ý thức và trách nhiệm của người dân. Chính vì vậy mà đề tài "*Nghiên cứu tính đa dạng và tri thức bản địa trong việc sử dụng tài nguyên cây thuốc của cộng đồng tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình*" đã được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu, điều tra xác định thành phần loài cây thuốc làm cơ sở cho chiến lược bảo tồn, phát triển và sử dụng nguồn dược liệu tại chỗ, từ đó phát huy tiềm năng và thế mạnh của khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Phương pháp ngoại nghiệp

##### *1.1. Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa*

- Điều tra theo tuyến: Tiến hành lập tuyến điều tra tại địa điểm nghiên cứu. Tuyến điều tra được thiết lập một cách ngẫu nhiên và vuông góc với các đường đồng mức theo thứ tự đi từ chân-sườn-đỉnh đồi. Tại mỗi địa điểm nghiên cứu, tuyến điều tra được thiết lập với số lượng 3 tuyến đại diện cho 3 hướng khác nhau.

- Lập ô tiêu chuẩn: Tại mỗi địa điểm nghiên cứu tiến hành lập 5 ô tiêu chuẩn diện tích 100 m<sup>2</sup> (10 m x 10 m) để xác định thành phần trữ lượng các loài cây thuốc. Ô tiêu chuẩn được thiết lập một cách ngẫu nhiên, 3 khu vực chân-sườn-đỉnh đồi.

- Thu và xử lý mẫu thực vật: Thu thập các thông tin liên quan tại địa điểm nghiên cứu (tình trạng phân bố, dạng thân, đặc điểm sinh học, dạng sống của các loài thực vật cây thuốc).

##### *1.2. Phương pháp thu thập số liệu thông tin*

- Phương pháp phỏng vấn: Sử dụng các câu hỏi bán cấu trúc để phỏng vấn người dân

- Phương pháp PRA: Sử dụng triệt để các kỹ năng trong PRA để thu thập số liệu thông tin.

## 2. Phương pháp nội nghiệp

### 2.1. Phương pháp kế thừa

- Kế thừa nghiên cứu trước đây của các chuyên gia, sử dụng các tài liệu liên quan về Danh lục Thực vật VQG Phong Nha-Kẻ Bàng, Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi, Sách Đỏ Việt Nam 2007, Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ... để tiến hành tổng hợp và phân tích.

### 2.2. Phương pháp định loài

- Sử dụng phương pháp so sánh hình thái: Dựa vào đặc điểm hình thái mẫu thực vật đã thu thập, tiến hành so sánh với các bản mô tả trong tài liệu: “Cây cỏ Việt Nam” của Phạm Hoàng Hộ, “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” của Đỗ Tất Lợi... để tiến hành định loại thực vật.

- Xác định tên loài: Hoàn chỉnh tên khoa học và tên Việt Nam thường gọi (tên địa phương), tiếng dân tộc của loài đó.

- Lập danh mục cây thuốc: Dựa vào phương pháp của Brummitt. Danh mục được sắp xếp thứ tự theo bảng chữ cái A, B, C, từ ngành có cấu trúc đơn giản đến phức tạp hơn.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Đa dạng về thành phần cây thuốc tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Kết quả điều tra, nghiên cứu đến thời điểm này đã ghi nhận được sự có mặt của 342 loài cây thuốc thuộc 268 chi, 104 họ thực vật khác nhau. Trong tất cả các bậc taxon đã xác định thuộc 4 Ngành thực vật: Ngành Thông đất (*Lycopodiophyta*), Ngành Dương xỉ (*Polypodiophyta*), Ngành Hạt trần (*Pinophyta*) và Ngành Ngọc lan (*Magnoliophyta*).

### 2. Sự đa dạng của các bậc taxon trong các ngành thực vật

Bảng 1

Thông kê số lượng họ, chi, loài cây thuốc tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

S T T	Tên ngành	Họ		Chi		Loài	
		Số họ	Tỷ lệ (%)	Số chi	Tỷ lệ (%)	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Thông đất ( <i>Lycopodiophyta</i> )	1	1,1	1	0,4	1	0,3
2	Dương xỉ ( <i>Polypodiophyta</i> )	7	6,7	10	3,7	11	3,2
3	Hạt trần ( <i>Pinophyta</i> )	2	1,9	3	1,1	3	0,9
4	Ngọc lan ( <i>Magnoliophyta</i> )	94	90,3	254	94,8	327	95,6
	- Lớp 2 lá mầm ( <i>Dicotyledonae</i> )	74	78,7	195	76,8	245	74,9
	- Lớp 1 lá mầm ( <i>Monocotyledonae</i> )	20	21,3	59	23,2	82	25,1
<b>Tổng số</b>		<b>104</b>	<b>100%</b>	<b>268</b>	<b>100%</b>	<b>342</b>	<b>100%</b>

Sự đa dạng về các bậc taxon trong các Ngành thực vật có sự khác nhau rất rõ rệt. Qua bảng 1 cho thấy: Các loài cây thuốc thuộc Ngành Thông đất (*Lycopodiophyta*) có số lượng ít nhất, gồm 1 họ chiếm 1,1% tổng số họ; 1 chi chiếm 0,4% tổng số chi; 1 loài chiếm 0,3% tổng số loài. Ngành Hạt trần (*Pinophyta*) có 2 họ chiếm 1,9% tổng số họ; 3 chi chiếm 1,1% tổng số chi; 3 loài chiếm 0,9% tổng số loài. Ngành dương xỉ (*Polypodiophyta*) gồm 7 họ chiếm 6,7% tổng số họ, 10 chi chiếm 3,7% tổng số chi và 11 loài chiếm 3,2% tổng số loài. Ngành Ngọc lan (*Magnoliophyta*) có số lượng lớn nhất và chiếm ưu thế với 94 họ chiếm 90,3% tổng số họ; 254 chi chiếm 94,8% tổng số chi; 327 loài chiếm 95,6% tổng số loài. Như vậy, hầu hết các loài cây thuốc chủ yếu thuộc Ngành Ngọc lan. Kết quả phân tích, thống kê ở bảng 2 cho thấy: các loài

cây thuốc thuộc Lớp 2 lá mầm (*Dicotyledonae*) có số lượng cao nhất trong Ngành Ngọc lan với 74 họ chiếm 78,7% tổng số họ; 195 chi chiếm 76,8% tổng số chi; 245 loài chiếm 74,9% số loài. Lớp 1 lá mầm (*Monocotyledonae*) có số lượng ít hơn với 20 họ chiếm 21,3% tổng số họ; 59 chi chiếm 23,2% tổng số chi và 82 loài chiếm 25,1% tổng số loài trong Ngành Ngọc lan.

### 3. Thống kê 10 họ thực vật có nhiều loài cây thuốc

Mức độ đa dạng các loài cây thuốc trong các họ Thực vật có sự biến động khá lớn. Trong tất cả 104 họ thực vật điều tra được (342 loài), có 10 họ thực vật có từ 9 loài trở lên chiếm 39,6% so với tổng số loài. Kết quả thống kê ở bảng 4 cho thấy: Họ Thầu dầu (*Euphorbiaceae*) có số lượng loài nhiều nhất là 29 loài chiếm 8,5% tổng số loài. Họ Cúc (*Asteraceae*) có số loài đứng thứ 2 với 20 loài chiếm 5,8% tổng số loài... Các họ thực vật còn lại có từ 1 đến 8 loài chiếm 60,4%.

Bảng 2

**Thống kê 10 họ thực vật thuộc Ngành Ngọc lan có nhiều loài cây thuốc nhất**

STT	Họ	Số loài	Tỷ lệ (%) so với số loài
1	Thầu dầu ( <i>Euphorbiaceae</i> )	29	8,5
2	Họ Cúc ( <i>Asteraceae</i> )	20	5,8
3	Cà phê ( <i>Rubiaceae</i> )	16	4,7
4	Lan ( <i>Orchidaceae</i> )	16	4,7
5	Ráy ( <i>Araceae</i> )	10	2,9
6	Lúa ( <i>Poaceae</i> )	9	2,6
7	Cam quýt ( <i>Rutaceae</i> )	9	2,6
8	Cò roi ngựa ( <i>Verbenaceae</i> )	9	2,6
9	Họ Lúa ( <i>Poaceae</i> )	9	2,6
10	Gừng ( <i>Zingiberaceae</i> )	9	2,6
<b>Tổng</b>			<b>39,6</b>

### 4. Các loài cây thuốc quý hiếm tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Trong số 342 loài cây thuốc đã ghi nhận, có 21 loài cây thuốc quý hiếm, trong đó có 18 loài cây thuốc thuộc 15 chi, 13 họ thực vật được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007)-phần Thực vật với các tình trạng bảo tồn khác nhau. Theo tiêu chuẩn đánh giá của Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong số các loài cây thuốc quý hiếm có 1 loài rất nguy cấp (CR), 6 loài nguy cấp (EN), 11 loài sẽ nguy cấp (VU). (Xem bảng 5).

Bảng 3

**Các loài cây thuốc quý hiếm tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng**

Stt	Tên khoa học	Tình trạng bảo tồn	
		SĐVN (2007)	NĐ 32/2006/NĐ-CP
1	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	VU	
2	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	VU	
3	<i>Asarum balansae</i> Franch in Morot	EN	
4	<i>Callicarpa arborea</i> Roxb.	CR	
5	<i>Codonopsis celebica</i> Blume	VU	
6	<i>Cosciniium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr		IIA
7	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	VU	IIA
8	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	VU	IIA
9	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	VU	IIA
10	<i>Drynaria fortunei</i> (O Kuntze ex Mett.) J. Smith.	EN	

11	<i>Erythrophloeum fordii</i> Oliv.		IIA
12	<i>Neverlia fordii</i> (Hance) Schultze	EN	IIA
13	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	EN	IIA
14	<i>Stephania sinica</i> Dlels.	EN	IIA
15	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	VU	
16	<i>Homalomena aromatica</i> (Roxb.) Schott.	VU	
17	<i>Gynostemma pentaphylla</i> (Thunb.) Makino	EN	
18	<i>Tacca palmata</i> Blume	VU	
19	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook.	VU	IIA
20	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook.	VU	
21	<i>Paphiopedilum concolor</i> (Lindl.) Pfitz		IA

Đối chiếu với danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm ban hành theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2006 của Chính phủ (sửa đổi bổ sung) về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm, chúng tôi xác định được 10 loài cây thuốc thuộc Nghị định 32. Trong đó, có 1 loài thuộc nhóm IA; 9 loài thuộc nhóm IIA.

### 5. Xây dựng các mô hình, phổ biến kiến thức về bảo tồn cây thuốc tại địa phương

Nằm trong chương trình nghiên cứu, điều tra cây thuốc tại Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, chúng tôi đã xây dựng được 01 mô hình trồng bảo tồn cây thuốc với số lượng 20 loài tại bản Yên Hợp, xã Thượng Hóa, Minh Hóa (năm 2010). Trong quá trình điều tra tại một số địa điểm khác của Vườn Quốc gia, chúng tôi đã phát hiện ra nhiều loài cây thuốc có giá trị được cộng đồng sử dụng rộng rãi tại địa phương, chủ yếu là các loài cây thuốc phục vụ cho việc sinh đẻ của phụ nữ.

Năm 2012, chúng tôi đã trồng phát triển tại chỗ hai loài cây thuốc quý hiếm gồm Lá khô và Bách bệnh có diện tích 1 ha tại Vườn thực vật VQG Phong Nha-Kẻ Bàng. Hiện nay, hai loài này có tỷ lệ sống khá cao, nhiều cây sinh trưởng và phát triển khá tốt. Năm 2013, tiếp tục trồng thêm một số loài cây thuốc khác như: Hà thủ ô đỏ, Ba kích tía, Giao cổ lam và Bình vôi có diện tích 1 ha tại Vườn thực vật. Tuy nhiên, hai loài Hà thủ ô đỏ và Ba kích tía đang còn thiếu về nguồn giống.

Thông qua việc điều tra, nghiên cứu cây thuốc tại các địa bàn thuộc vùng đệm VQG Phong Nha-Kẻ Bàng thì việc chia sẻ thông tin về những kinh nghiệm chữa bệnh trong cộng đồng là điều rất cần thiết đối với công tác bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu tại địa phương. Những thông tin để chúng tôi chia sẻ với cộng đồng chủ yếu là những kinh nghiệm sử dụng cây thuốc để chữa bệnh, tình hình khai thác, chế biến cây thuốc, nhu cầu sử dụng cây thuốc của người dân địa phương... Đây là những thông tin rất cần thiết làm cơ sở cho việc lập kế hoạch bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu tại cộng đồng.

Song song với việc điều tra phỏng vấn người dân địa phương, chúng tôi luôn coi trọng hướng dẫn cho người dân nắm và hiểu rõ tầm quan trọng của các loài cây thuốc trong tự nhiên đối với sức khỏe của con người, đặc biệt là những loài được sử dụng phổ biến tại cộng đồng. Thông qua việc xây dựng mô hình trồng bảo tồn cây thuốc, chúng tôi đã hướng dẫn cụ thể cho người dân kỹ thuật thu hái cây thuốc trong tự nhiên và trồng cây thuốc tại Vườn hộ. Những loài cây thuốc khó tìm sẽ được đưa từ rừng về trồng tại Vườn nhà. Khuyến khích người dân khai thác những loài cây thuốc mọc hoang dại, có khả năng tái sinh tự nhiên tốt và thường sử dụng bộ phận thân, lá để chữa bệnh. Những loài sử dụng bộ phận rễ thì hạn chế khai thác hơn và gây trồng thêm để phát triển. Đây là những hoạt động mang tính tuyên truyền, vận động nhưng nếu vận dụng tốt sẽ mang lại hiệu quả rất cao trong công tác bảo tồn và phát triển.

### III. KẾT LUẬN

- Số lượng cây thuốc tại VQG Phong Nha-Kẻ Bàng và đồng bào dân tộc sử dụng đến thời điểm này gồm có 342 loài thuộc 268 chi của 104 họ thực vật. Trong đó, có 18 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), có 10 loài nằm trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

- Số lượng các taxon bậc họ, chi, loài có sự phân bố không đồng đều giữa các ngành thực vật. Chiếm ưu thế nhất là ngành Ngọc lan (Magnoliophyta): 327 loài, 254 chi, 94 họ. Ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có số lượng rất ít, gồm 1 loài, 19 chi, 1 họ. Trong ngành Ngọc lan, tập trung chủ yếu lớp Ngọc lan (245 loài), lớp Hành chi có 82 loài.

- Các họ có số loài làm thuốc nhiều nhất là: Họ Thầu dầu có 29 loài; họ Cúc có 20; họ Cà phê có 16 loài,...

- Trong quá trình điều tra, phỏng vấn chúng tôi đã thu thập được 83 bài thuốc chữa trị 16 nhóm bệnh khác nhau

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bài giảng Lâm sản ngoài gỗ**, 2002. Đại học Nông Lâm Huế.
2. **Bảo tồn đa dạng sinh học**, Chương trình Hỗ trợ Lâm nghiệp Xã hội.
3. **Đỗ Tất Lợi**, 2001. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. Y học.
4. **Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán hạng mục lâm sinh Vườn thực vật**.
5. **Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam**, 2007. Dự án Hỗ trợ Lâm sản ngoài gỗ tại Việt Nam.
6. **Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam**, 2001. Dự án Hỗ trợ Lâm sản ngoài gỗ tại Việt Nam.
7. **Lã Đình Mới**, 2001, 2002. Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam tập I, II, Nxb. Nông nghiệp.
8. **Nguyễn Tập**, 2006. Điều tra cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, Chương trình bảo tồn Việt Nam.
9. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2001. Cây thuốc của đồng bào Con Cuông Nghệ An, Nxb. Nông nghiệp.
10. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2005. Đa dạng sinh học và Tài nguyên di truyền thực vật, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2005.
11. **Phạm Hoàng Hộ**, 2001. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tập 1, 2, 3.
12. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn số 10, 11 – 2007
13. **Sách Đỏ Việt Nam**, 2007 - Phần II. Thực vật, Nxb. KHTN & CN, Hà Nội.

### **STUDY ON THE DIVERSITY OF MEDICINAL PLANTS AND THEIR UTILIZATION PATTERNS BY THE LOCAL PEOPLE OF PHONG NHA-KE BANG NATIONAL PARK, QUẢNG BÌNH PROVINCE, VIETNAM**

**LE THUAN KIEN**

### SUMMARY

In this report we have investigated the diversity of medicinal plants in Phong Nha-Ke Bang National Park and their utilization pattern by the local people. The results document 342 medicinal plant species belonging to 268 genera and 104 families. Of these, 18 species are listed in the Red Data Book of Vietnam (2007) and 10 species in the Government Decree 32/2006/NĐ-CP. Most of the members from Magnoliophyta (327 species, 254 genera, 94 families) and least from Lycopodiophyta Liliopsida members are represented by 82 species.